

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập.	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 30

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười hai (12) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên	
Ông Sean Philip Shrimpton	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2016
Ông Aemer Mahmud Malik	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2016
Ông Douglas Kue	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2016
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2016
Ông Andrew Hamish Lane	Thành viên	từ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phi Thức	Trưởng ban	
Ông Phan Thế Thành	Thành viên	
Bà Servane Marie Amelie Gorgiard	Thành viên	
Ông Yap Khin Choy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2016
Ông Samuel Timothy Nance	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Tố Quyên	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Bà Trần Thái Thanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lương Thị Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61197154/18590933-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2759-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		842.929.797.299	719.994.108.221
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	92.319.493.954	135.164.015.917
111	1. Tiền		72.319.493.954	55.128.460.361
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	80.035.555.556
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	115.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		115.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		311.307.010.367	305.862.811.567
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	300.890.087.360	289.981.414.717
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.337.079.001	1.577.897.132
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.607.612.108	19.179.287.117
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.527.768.102)	(4.875.787.399)
140	IV. Hàng tồn kho	8	320.318.925.211	277.343.787.593
141	1. Hàng tồn kho		320.318.925.211	277.921.069.023
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(577.281.430)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.984.367.767	1.623.493.144
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.984.367.767	1.622.172.436
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	1.320.708
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		241.064.347.045	268.029.058.368
220	I. Tài sản cố định		219.085.635.065	242.623.219.451
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	169.441.401.803	191.167.289.445
222	Nguyên giá		429.045.147.231	423.377.170.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(259.603.745.428)	(232.209.881.142)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	49.644.233.262	51.455.930.006
228	Nguyên giá		57.650.853.583	57.680.853.583
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.006.620.321)	(6.224.923.577)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.379.609.855	1.869.249.023
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.379.609.855	1.869.249.023
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	10.572.927.503	13.168.996.688
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	20.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.427.072.497)	(6.831.003.312)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		10.026.174.622	10.367.593.206
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.640.793.170	8.282.300.509
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	5.385.381.452	2.085.292.697
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.083.994.144.344	988.023.166.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		200.360.742.957	194.704.670.624
310	I. Nợ ngắn hạn		199.685.823.127	193.727.679.316
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	120.021.311.688	137.615.612.933
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	5.293.777.115	7.262.976.970
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.905.654.197	16.908.624.920
314	4. Phải trả người lao động		24.060.726.269	13.882.890.252
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	30.009.383.214	15.226.837.432
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.000.492.157	1.247.323.741
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		394.478.487	1.583.413.068
330	II. Nợ dài hạn		674.919.830	976.991.308
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	674.919.830	976.991.308
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		883.633.401.387	793.318.495.965
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	883.633.401.387	793.318.495.965
411	1. Vốn cổ phần		347.274.650.000	267.137.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		347.274.650.000	267.137.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.333.949.894	140.470.629.894
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		306.365.742.022	243.133.031.737
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		169.659.059.471	142.576.864.334
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.017.584.928	1.017.584.928
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		168.641.474.543	141.559.279.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.083.994.144.344	988.023.166.589



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.388.396.580.893	1.401.104.951.836
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(99.102.403.647)	(167.074.129.384)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.289.294.177.246	1.234.030.822.452
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(790.585.525.683)	(824.272.566.319)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		498.708.651.563	409.758.256.133
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	9.650.395.480	2.069.444.886
22	7. Chi phí tài chính	22	(6.712.826.694)	(2.753.784.576)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(195.847.519.617)	(143.319.798.376)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(95.762.725.926)	(82.089.832.079)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		210.035.974.806	183.664.285.988
31	11. Thu nhập khác	23	1.044.906.819	1.551.101.807
32	12. Chi phí khác	23	(1.183.962.857)	(2.002.467.630)
40	13. Lỗ khác	23	(139.056.038)	(451.365.823)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		209.896.918.768	183.212.920.165
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(44.555.532.980)	(39.198.931.412)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.1	3.300.088.755	(2.454.709.347)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		168.641.474.543	141.559.279.406
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		168.641.474.543	141.559.279.406
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	4.856	3.604
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	4.856	3.604


Đoàn Thị Quyên
Người lập


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		209.896.918.768	183.212.920.165
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	32.150.448.948	34.833.771.961
03	Dự phòng (hoàn nhập) các khoản dự phòng		2.018.787.755	(3.465.394.694)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		232.539.260	1.059.024.703
05	(Lợi nhuận) lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.326.274.084)	1.417.495.176
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		237.972.420.647	217.057.817.311
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(5.313.464.746)	1.265.660.609
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(42.397.856.188)	35.709.742.876
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		5.501.951.463	(19.154.244.340)
12	Giảm chi phí trả trước		4.367.449.212	2.458.355.279
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43.446.202.536)	(40.115.682.698)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		656.584.631	588.821.297
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.933.428.914)	(30.828.386.598)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		135.407.453.569	166.982.083.736
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(12.385.352.578)	(15.250.989.525)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		335.350.864	2.027.272.728
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(115.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.224.434.435	811.039.628
27	Lãi tiền gửi nhận được		(124.825.567.279)	(12.412.677.169)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư			
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.2	(53.427.594.000)	(48.084.834.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(53.427.594.000)	(48.084.834.600)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(42.845.707.710)	106.484.571.967
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		135.164.015.917	28.704.479.874
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.185.747	(25.035.924)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	92.319.493.954	135.164.015.917



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười hai (12) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.299 người (31 tháng 12 năm 2015: 1.296 người).

Công ty có một công ty con, Công ty TNHH Domenol (“DMN”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1401164085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. DMN có trụ sở chính tại Cụm Công nghệ dược kỹ thuật cao Domesco, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Hoạt động chính của DMN là sản xuất kinh doanh các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất cồn công nghiệp.

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thông qua nghị quyết số 28/NQ-HĐQT chấp thuận việc giải thể Công ty TNHH Domenol (“Domenol”). Hiện tại, Domenol đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để giải thể theo quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

101
 0
 HN
 S
 TẾ
 171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 50 năm
Bảng sáng chế	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	7 - 8 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.172.063.658	2.538.667.082
Tiền gửi ngân hàng	71.147.430.296	52.589.793.279
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	80.035.555.556
TỔNG CỘNG	92.319.493.954	135.164.015.917

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là những khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và lãi suất được hưởng áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	299.524.222.160	289.981.414.717
<i>Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng</i>	15.175.518.842	7.724.678.760
<i>Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thuận Gia</i>	9.791.970.492	30.485.923.121
<i>Khác</i>	274.556.732.826	251.770.812.836
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	1.365.865.200	-
TỔNG CỘNG	300.890.087.360	289.981.414.717
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.374.374.804)	(2.823.874.753)
GIÁ TRỊ THUẬN	297.515.712.556	287.157.539.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lãi	4.940.478.765	-
Tạm ứng cho nhân viên	870.345.089	13.000.375.607
Ký quỹ, ký cược	810.804.628	1.289.418.250
Phải thu khác	7.985.983.626	4.889.493.260
TỔNG CỘNG	14.607.612.108	19.179.287.117
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.153.393.298)	(2.051.912.646)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.454.218.810	17.127.374.471

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	150.417.066.083	-	107.045.706.170	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.723.426.087	-	90.315.810.581	(577.281.430)
Hàng mua đang đi đường	23.990.942.724	-	9.965.460.200	-
Hàng hóa	16.943.683.824	-	48.470.427.299	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.243.806.493	-	22.123.664.773	-
TỔNG CỘNG	320.318.925.211	-	277.921.069.023	(577.281.430)

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	178.274.122.507	195.942.526.540	39.853.105.444	9.307.416.096	423.377.170.587
Mua trong năm	-	-	5.306.502.516	-	5.306.502.516
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	442.710.864	2.785.501.182	-	78.150.000	3.306.362.046
Giảm do giải thể công ty con	(2.123.990.580)	(25.565.100)	-	-	(2.149.555.680)
Thanh lý	-	(413.709.000)	(381.623.238)	-	(795.332.238)
Số cuối năm	176.592.842.791	198.288.753.622	44.777.984.722	9.385.566.096	429.045.147.231
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	17.618.984.615	82.036.608.970	15.787.651.112	7.532.129.779	122.975.374.476
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(66.557.542.497)	(131.928.272.014)	(25.421.103.338)	(8.302.963.293)	(232.209.881.142)
Khấu hao trong năm	(7.949.975.370)	(17.097.817.258)	(4.799.886.812)	(491.072.764)	(30.338.752.204)
Giảm do giải thể công ty con	2.123.990.580	25.565.100	-	-	2.149.555.680
Thanh lý	-	413.709.000	381.623.238	-	795.332.238
Số cuối năm	(72.383.527.287)	(148.586.815.172)	(29.839.366.912)	(8.794.036.057)	(259.603.745.428)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	111.716.580.010	64.014.254.526	14.432.002.106	1.004.452.803	191.167.289.445
Số cuối năm	104.209.315.504	49.701.938.450	14.938.617.810	591.530.039	169.441.401.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Bảng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	52.217.281.417	3.429.714.286	2.033.857.880	57.680.853.583
Giảm do giải thể công ty con	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số cuối năm	<u>52.217.281.417</u>	<u>3.429.714.286</u>	<u>2.003.857.880</u>	<u>57.650.853.583</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	-	1.252.958.128	789.000.000	2.041.958.128
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(3.116.326.604)	(1.501.683.298)	(1.606.913.675)	(6.224.923.577)
Hao mòn trong năm	(730.924.548)	(871.020.696)	(209.751.500)	(1.811.696.744)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	30.000.000	30.000.000
Số cuối năm	<u>(3.847.251.152)</u>	<u>(2.372.703.994)</u>	<u>(1.786.665.175)</u>	<u>(8.006.620.321)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>49.100.954.813</u>	<u>1.928.030.988</u>	<u>426.944.205</u>	<u>51.455.930.006</u>
Số cuối năm	<u>48.370.030.265</u>	<u>1.057.010.292</u>	<u>217.192.705</u>	<u>49.644.233.262</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Cản Lố	856.345.030	824.389.993
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	237.187.411	235.249.091
Khác	286.077.414	809.609.939
TỔNG CỘNG	<u>1.379.609.855</u>	<u>1.869.249.023</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	20.000.000.000	6,67	20.000.000.000	6,67
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.427.072.497)		(6.831.003.312)	
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>10.572.927.503</u>		<u>13.168.996.688</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bao bì ATP ("ATP") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700811591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. ATP có trụ sở chính tại Số 99A, Tổ 3A, Khu phố 5, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của ATP là sản xuất và cung cấp bao bì chất dẻo cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.984.367.767	1.622.172.436
Công cụ, dụng cụ	3.012.716.398	858.641.681
Chi phí bảo hiểm	223.222.605	193.934.745
Chi phí thuê	280.160.007	134.700.007
Chi phí khác	468.268.757	434.896.003
Dài hạn	4.640.793.170	8.282.300.509
Công cụ, dụng cụ	3.492.166.920	6.167.745.702
Chi phí sửa chữa	980.085.742	631.807.233
Chi phí khác	168.540.508	1.482.747.574
TỔNG CỘNG	8.625.160.937	9.904.472.945

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	118.411.159.273	98.618.411.224
Công ty TNHH Dược Sinobright	19.517.598.000	21.107.996.000
KHS Synchemia Corporation	13.448.693.999	12.879.052.880
Phải trả đối tượng khác	85.444.867.274	64.631.362.344
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.610.152.415	38.997.201.709
TỔNG CỘNG	120.021.311.688	137.615.612.933

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Thanh Quý	4.827.585.160	6.900.489.060
Đối tượng khác	466.191.955	362.487.910
TỔNG CỘNG	5.293.777.115	7.262.976.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.883.918.134	44.555.532.980	43.446.202.536	11.993.248.578
Thuế giá trị gia tăng	5.013.873.504	42.754.623.707	43.201.806.575	4.566.690.636
Thuế thu nhập cá nhân	1.002.488.910	7.052.933.681	6.711.715.514	1.343.707.077
Các loại thuế khác	8.344.372	6.391.231.121	6.397.567.587	2.007.906
TỔNG CỘNG	<u>16.908.624.920</u>	<u>100.754.321.489</u>	<u>99.757.292.212</u>	<u>17.905.654.197</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng bán hàng	26.926.907.275	15.046.837.432
Chi phí trích trước khác	3.082.475.939	180.000.000
TỔNG CỘNG	<u>30.009.383.214</u>	<u>15.226.837.432</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.000.492.157	1.247.323.741
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.166.330.022	627.746.422
Nhận ký quỹ, ký cược	276.817.550	514.305.207
Cổ tức	13.510.900	13.510.900
Khác	543.833.685	91.761.212
Dài hạn	674.919.830	976.991.308
Nhận ký quỹ, ký cược	674.919.830	976.991.308
TỔNG CỘNG	<u>2.675.411.987</u>	<u>2.224.315.049</u>

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	267.137.970.000	140.470.629.894	189.796.687.520	124.440.926.684	721.846.214.098
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	53.090.612.532	(69.504.113.795)	(16.413.501.263)
Cổ tức công bố	-	-	-	(48.084.834.600)	(48.084.834.600)
Sử dụng quỹ	-	-	(184.078.112)	-	(184.078.112)
Tặng khác	-	-	429.809.797	-	429.809.797
Giảm khác	-	-	-	(2.834.393.361)	(2.834.393.361)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	141.559.279.406	141.559.279.406
Số cuối năm	267.137.970.000	140.470.629.894	243.133.031.737	142.576.864.334	793.318.495.965
Năm nay					
Số đầu năm	267.137.970.000	140.470.629.894	243.133.031.737	142.576.864.334	793.318.495.965
Tăng vốn (*)	80.136.680.000	(80.136.680.000)	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.300.000.000)	(4.300.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	62.597.793.495	(83.831.685.406)	(21.233.891.911)
Cổ tức công bố	-	-	-	(53.427.594.000)	(53.427.594.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(21.667.841)	-	(21.667.841)
Tặng khác	-	-	656.584.631	-	656.584.631
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	168.641.474.543	168.641.474.543
Số cuối năm	347.274.650.000	60.333.949.894	306.365.742.022	169.659.059.471	883.633.401.387

(*) Vào ngày 15 tháng 7 năm 2016, Công ty đã phát hành 8.013.668 cổ phiếu thường với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu từ thặng dư vốn có phần cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-DHCD-DMC và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 15/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 4 năm 2016 và ngày 9 tháng 5 năm 2016. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp chấp thuận thông qua Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh vào ngày 26 tháng 7 năm 2016. Theo đó, vốn có phần của Công ty đã tăng từ 267.137.970.000 VND lên 347.274.650.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	267.137.970.000	267.137.970.000
Tăng trong năm	80.136.680.000	-
Số cuối năm	<u>347.274.650.000</u>	<u>267.137.970.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	53.427.594.000	48.084.834.600
Cổ tức đã trả	53.427.594.000	48.084.834.600

18.3 Vốn cổ phần

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	34.727.465	26.713.797
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.727.465	26.713.797
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.727.465	26.713.797

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.388.396.580.893	1.401.104.951.836
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.237.093.146.239	1.181.107.208.478
Doanh thu bán hàng hóa	151.303.434.654	219.986.393.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	11.350.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(99.102.403.647)	(167.074.129.384)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(93.488.197.338)	(164.324.335.569)
Hàng bán bị trả lại	(5.614.206.309)	(2.749.793.815)
DOANH THU THUẦN	<u>1.289.294.177.246</u>	<u>1.234.030.822.452</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan	10.575.925.737	-
Các bên khác	1.278.718.251.509	1.234.030.822.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.164.913.200	826.706.295
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.648.489.405	1.232.269.626
Chiết khấu thanh toán	836.223.800	-
Các khoản khác	769.075	10.468.965
TỔNG CỘNG	9.650.395.480	2.069.444.886

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	662.206.979.357	631.538.090.069
Giá vốn hàng hóa đã bán	128.378.546.326	192.734.476.250
TỔNG CỘNG	790.585.525.683	824.272.566.319

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	195.847.519.617	143.319.798.376
Hoa hồng bán hàng	71.604.168.695	38.403.203.132
Chi phí nhân viên	67.579.496.455	52.223.059.839
Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường	18.717.249.968	20.872.780.122
Chi phí vận chuyển	13.481.626.585	10.981.952.496
Chi phí khác	24.464.977.914	20.838.802.787
Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.762.725.926	82.089.832.079
Chi phí nhân viên	63.167.479.327	43.272.512.129
Chi phí khấu hao	10.897.550.966	11.618.025.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.754.007.534	15.068.584.514
Chi phí khác	11.943.688.099	12.130.710.026
TỔNG CỘNG	291.610.245.543	225.409.630.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	2.596.243.337	(3.465.394.694)
Chiết khấu thanh toán	2.074.227.258	217.465.672
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.039.965.174	5.998.364.442
Khác	2.390.925	3.349.156
TỔNG CỘNG	6.712.826.694	2.753.784.576

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.044.906.819	1.551.101.807
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	335.350.864	-
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	1.492.672.678
Thu nhập khác	709.555.955	58.429.129
Chi phí khác	(1.183.962.857)	(2.002.467.630)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	(1.173.989.980)	(1.962.242.630)
Chi phí khác	(9.972.877)	(40.225.000)
LỖ KHÁC	(139.056.038)	(451.365.823)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	739.750.567.818	1.143.841.427.799
Chi phí nhân viên	196.589.703.064	148.997.297.027
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	32.150.448.948	34.833.771.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.653.217.763	16.875.605.930
Chi phí khác	92.894.018.070	76.456.603.073
TỔNG CỘNG	1.113.037.955.663	1.421.004.705.790

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế. (2015: 22%).

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho DMN là 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất phổ thông trong các năm tiếp theo. DMN được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.555.532.980	39.198.931.412
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	2.119.965.117
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.300.088.755)	2.454.709.347
TỔNG CỘNG	41.255.444.225	43.773.605.876

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	209.896.918.768	183.212.920.165
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	41.979.383.754	40.306.842.436
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	50.332.700	62.700.916
Lỗi tính thuế	(75.267.513)	(473.783.430)
Chênh lệch thuế suất	(699.004.716)	1.757.880.837
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	2.119.965.117
Chi phí thuế TNDN	41.255.444.225	43.773.605.876

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.385.381.452	3.009.367.486	2.376.013.966	(1.530.634.558)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	-	(924.074.789)	924.074.789	(924.074.789)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.385.381.452	2.085.292.697	3.300.088.755	(2.454.709.347)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			3.300.088.755	(2.454.709.347)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	10.575.925.737	-
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	28.500.000	207.054.750
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đồng	Mua nguyên liệu	-	61.779.531.720

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	<u>1.365.865.200</u>	<u>-</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i>				
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đồng	Mua nguyên liệu	1.610.152.415	38.967.903.484
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	29.298.225
			<u>1.610.152.415</u>	<u>38.997.201.709</u>

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.551.000.000</u>	<u>3.472.131.619</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	168.641.474.543	141.559.279.406
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(16.413.501.263)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	168.641.474.543	125.145.778.143
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)	34.727.465	34.727.465
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.856	3.604

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ-DMC ngày 23 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 chưa được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành 8.013.668 cổ phiếu thưởng vào ngày 15 tháng 7 năm 2016 như được trình bày tại *Thuyết minh số 18.1*.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	456.000.000	456.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	984.000.000	1.032.000.000
TỔNG CỘNG	1.440.000.000	1.488.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

29. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đoàn Thị Quyên
 Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
 Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 343/CV/KT/DMC

TP Cao Lãnh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
“V/v giải trình biến động kết quả kinh doanh 2016 so với cùng 2015
có Lợi nhuận sau thuế vượt trên 10%”

Căn cứ vào Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco (Mã CK: DMC) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên báo cáo kiểm toán Riêng và báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015 như sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ 2016:

Chỉ tiêu	2016	2015	Tăng/giảm	
			Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	1,287,207,190,566	1,232,166,472,452	55,040,718,114	4.47%
Hàng sản xuất	1,146,273,400,336	1,023,386,878,278	122,886,522,058	12.01%
% hàng SX	89.05%	83.06%	6.00%	7.22%
Giá vốn	789,645,767,839	823,200,895,409	(33,555,127,570)	-4.08%
% giá vốn	61.35%	66.81%	-5.46%	-8.18%
Lãi gộp	497,561,422,727	408,965,577,043	88,595,845,684	21.66%
% lãi gộp	38.65%	33.19%	5.46%	16.46%
Lợi nhuận sau thuế	168,466,412,557	142,751,926,320	25,714,486,237	18.01%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kiểm toán Riêng 2016 đạt 168,47 tỷ đồng tăng 18,01% tương đương tăng 25,71 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 do những nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần tăng 4,47% trong đó doanh thu hàng sản xuất tăng so cùng kỳ 12,01%, tỷ trọng hàng tự sản xuất tăng từ 83,06% lên 89,05% và đây cũng là nhóm hàng chính mang lại hiệu quả cho công ty.
- Giá vốn được kiểm soát tốt nên giảm 5,46% so cùng kỳ dẫn đến biên lãi gộp tăng tương ứng từ 33,19% lên 38,65% (tăng 88,6 tỷ đồng).

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2016:

Chỉ tiêu	2016	2015	Tăng/giảm	
			Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	1,289,294,177,246	1,234,030,822,452	55,263,354,794	4.48%
Hàng sản xuất	1,146,273,400,336	1,023,386,878,278	122,886,522,058	12.01%
% hàng SX	88.91%	82.93%	5.98%	7.21%
Giá vốn	790,585,525,683	824,272,566,319	(33,687,040,636)	-4.09%
% giá vốn	61.32%	66.80%	-5.48%	-8.20%
Lãi gộp	498,708,651,563	409,758,256,133	88,950,395,430	21.71%
% lãi gộp	38.68%	33.20%	5.48%	16.49%
Lợi nhuận sau thuế	168,641,474,543	141,559,279,406	27,082,195,137	19.13%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2016 đạt 168,64 tỷ đồng tăng 19,13% tương đương tăng 27,08 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 do những nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần tăng 4,48% trong đó doanh thu hàng sản xuất tăng so cùng kỳ 12,01%, tỷ trọng hàng tự sản xuất tăng từ 82,93% lên 88,91% và đây cũng là nhóm hàng chính mang lại hiệu quả cho công ty.
- Giá vốn được kiểm soát tốt nên giảm 5,48% so cùng kỳ dẫn đến biên lãi gộp tăng tương ứng từ 33,20% lên 38,68% (tăng 88,95 tỷ đồng).

Công Ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế DOMESCO kính giải trình cho Quý Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Quý cổ đông được rõ.

Trân trọng kính chào,

*** Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu



Lương Thị Hương Giang